

Bản án số: 93/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2025

“V/v ly hôn, yêu cầu nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhật Trường

Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về “Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa:

*** Nguyên đơn:** ông Danh H, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh An Giang.

*** Bị đơn:** bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2025, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn ông Danh H như sau:

Năm 2013 ông và bà Trịnh Thị H1 đi làm thuê ở huyện T, tỉnh Đồng Nai, ông bà quen biết, tìm hiểu nhau được một năm thì ông bà quyết định kết hôn với nhau, ông bà được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang ngày 06/5/2015. Sau khi cưới, vợ chồng ông sống hạnh phúc đến năm 2024 thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người không hợp, bất đồng quan điểm về nơi sống, bà H1 không đồng ý sống bên gia đình ông vì bà H1

không thể hoà nhập được với gia đình ông nên bà H1 đã bỏ đi sống ly thân với ông từ năm 2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông H xác định không thể hàn gắn hôn nhân lại được nữa vì ông H không còn tình cảm với bà H1 nên ông H quyết định ly hôn với bà H1.

Ông H khai trong quá trình sống chung với bà H1, ông bà có hai người con chung tên Danh Thị Mỹ T, sinh ngày 13/10/2015 và Danh Trịnh Mỹ L, sinh ngày 06/12/2017. Con chung do ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Ông H xác định ông và bà H1 không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, ông Danh H yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân ông H yêu cầu được ly hôn với bà Trịnh Thị H1. Về con chung ông H yêu cầu được nuôi dưỡng Danh Thị Mỹ T, sinh ngày 13/10/2015 và Danh Trịnh Mỹ L, sinh ngày 06/12/2017 và ông H không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn bà Trịnh Thị H1 không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng bà H1 không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của bà.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử về hôn nhân chấp nhận cho ông Danh H được ly hôn với bà Trịnh Thị H1. Về con chung giao Danh Thị Mỹ T, sinh ngày 13/10/2015 và Danh Trịnh Mỹ L, sinh ngày 06/12/2017 cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung và về cấp dưỡng nuôi con ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông H yêu cầu ly hôn với bà H1, yêu cầu nuôi con. Bị đơn có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp P, xã G, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật “ly hôn, yêu cầu nuôi con” và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trịnh Thị H1 với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bà H1 vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: ông Danh H và bà Trịnh Thị H1 quen biết, tìm hiểu được một năm thì ông bà tự nguyện tổ chức đám cưới và ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 41/2015 ngày 06/5/2015, cho nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông H là ông có nguyện vọng được ly hôn với bà H1 lý do hai người không hợp, bất đồng quan điểm về nơi sống, bà H1 không đồng ý sống bên gia đình ông vì bà H1 không thể hoà nhập được với gia đình ông nên bà H1 đã bỏ đi sống ly thân với ông từ năm 2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông H xác định không thể hàn gắn hôn nhân lại được nữa vì ông H không còn tình cảm với bà H1 nên ông H quyết định ly hôn với bà H1. Tòa án đã tiến hành thông báo hòa giải động viên nhằm tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn lại hôn nhân nhưng bà H1 không có mặt nên không thể tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa, ông H và bà H1 cũng không gặp và ông H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với bà H1 vì ông không còn tình cảm yêu thương dành cho bà H1. HĐXX thấy rằng, do trước khi kết hôn ông bà đã không tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên sau thời gian chung sống giữa ông H và bà H1 xảy ra mâu thuẫn, từ đó không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau nên dẫn đến tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H là phù hợp.

[2.3] Về con chung: ông H khai vợ chồng ông có hai người con chung tên Danh Thị Mỹ T, sinh ngày 13/10/2015 và Danh Trịnh Mỹ L, sinh ngày 06/12/2017. Ông H

yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ông H và bà H1 ly thân từ năm 2024 đến nay thì ông H là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung; đồng thời, Danh Thị Mỹ T, Danh Trịnh Mỹ L cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với cha nên Hội đồng xét xử giao Danh Thị Mỹ T, Danh Trịnh Mỹ L cho ông H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định pháp luật.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: ông H không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: ông H xác định vợ chồng ông không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[3] Đối với bị đơn bà Trịnh Thị H1, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy bà H1 có đăng ký thường trú tại ấp P, xã G, tỉnh An Giang nhưng bà H1 vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ Điều 175, Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với bà H1 theo quy định nhưng bà H1 vẫn không có mặt không có lý do và bà H1 cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông H cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của bà.

[4] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: bằng 300.000 đồng, ông H phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: chấp nhận cho ông D Học được ly hôn với bà Trịnh Thị H1.

2. Về con chung: Giao Danh Thị Mỹ T, sinh ngày 13/10/2015 và Danh Trịnh Mỹ L, sinh ngày 06/12/2017 cho ông Danh H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà H1 có quyền có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở bà thực hiện quyền này. Khi cần thiết ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông Danh H phải nộp án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0014835 ngày 25/3/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang. Như vậy, ông H đã nộp xong án phí HNST.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 30/7/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS khu vực 5 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 5 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh